

Số: 729 /BVTN-VTTTBYT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 4 năm 2025

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Bệnh viện Thống Nhất có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm Vật tư y tế bổ sung năm 2025 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá

- Bên mời thầu: Bệnh viện Thống Nhất;
- Địa chỉ: số 01 đường Lý Thường Kiệt, P.7, Q. Tân Bình TP. HCM

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá.

- Phòng VT-TTBYT
- Số điện thoại: 028.38690277 - 178

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- E_mail: chaogia@bvtn.org.vn với tiêu đề : VTYT-[số văn bản yêu cầu báo giá]

+ File mềm: file excel Mẫu báo giá;

+ Bản scan Mẫu báo giá (có chữ ký và đóng dấu);

+ Bản scan Hồ sơ gửi kèm theo báo giá là các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan được hi-light đánh dấu rõ ràng.

- Trực tiếp : Bản giấy Mẫu báo giá (có chữ ký và đóng dấu) gửi về Phòng Vật tư - Trang thiết bị y tế Bệnh viện Thống Nhất số 01 Đường Lý Thường Kiệt Phường 7, Quận Tân Bình TP. HCM.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08 giờ 00 phút ngày 08 tháng 4 năm 2025 đến trước 17 giờ 00 phút ngày 22 tháng 4 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét

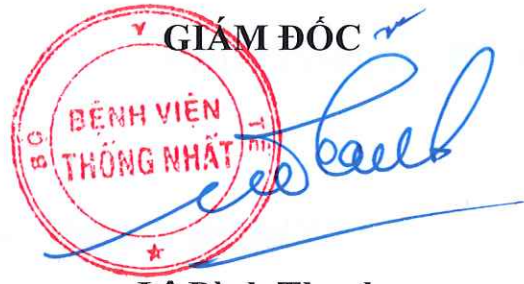
5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 180 ngày, kể từ ngày 08 tháng 4 năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá: chi tiết theo file đính kèm.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, VTTTBYT-T.3b.



Lê Đình Thanh

PHỤ LỤC

DANH MỤC MUA SẮM VẬT TƯ Y TẾ BỔ SUNG NĂM 2025

(Đính kèm Yêu cầu báo giá số 729/BVTN-VTTTBYT của Bệnh viện ngày 08 tháng 4 năm 2025)

Số TT	Nhóm Vật tư	Tên vật tư y tế	Tiêu chí kỹ thuật	ĐVT	Số lượng kế hoạch
Nhóm 2. Băng, gạc, vật liệu cầm máu, điều trị vết thương					
1	N02.04.050	Vật liệu cầm máu tự tiêu, dạng bông xốp, kích thước 5,1 x 10,2cm	Vật liệu cầm máu kích thước 10.2 x 5,1cm (±5%), dạng bông xốp, đường kính sợi rayon 20(±1)µm mịn đồng nhất, bằng cellulose oxi hóa tái tổ hợp (oxidized regenerated cellulose) nguồn gốc thực vật, độ pH thấp giúp co mạch tại chỗ, đẩy nhanh quá trình hình thành nút tiểu cầu, có tính kháng khuẩn, thời gian cầm máu < 2 phút, dạng bông gòn nhiều lớp, có thể tách ra nhiều lớp, cắt, xé, cuộn lại, bám tốt vào mô chảy máu như một lớp gel mỏng, tự tiêu sau 7 - 14 ngày. Tiêu chuẩn: ISO, CE/FDA.	Miếng	100
2	N02.04.050	Vật liệu cầm máu tự tiêu kích thước 10x10cm	Vật liệu cầm máu tự tiêu sinh học non-oxidized, kích thước 10 x10cm (±5%) Cơ chế cầm máu sinh học, tự bám dính vết thương, không cần ép. Tồn tại dạng ổn định từ 24 - 36 giờ. Tác dụng cầm máu ≤ 5 phút, hấp thu lượng máu ≥ 2500% so với trọng lượng. Tiêu hoàn toàn ≤7 ngày. Tiêu chuẩn: ISO, CE/FDA.	Miếng	20
Nhóm 3. Bơm, kim tiêm, dây truyền, găng tay và vật tư y tế sử dụng trong chăm sóc người bệnh					
3	N03.03.150	Kim sinh thiết màng phổi dùng nhiều lần	Kim sinh thiết màng phổi Chất liệu: thép không gỉ Đường kính 4 mm, dài 90mm (±5%) Có khóa Luer Lock ở đầu để khóa kim Tiêu chuẩn: CE/FDA	cây	3
Nhóm 4. Ống thông, ống dẫn lưu, ống nối, dây nối, chạc nối, catheter					
4	N04.01.010	Cannula động mạch đầu cong	Cannula động mạch chủ đầu cong nhựa 90 độ dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể - Chất liệu: PVC/Silicon - Kích thước: 20-22 Fr, co nối 0.95cm; - Tổng chiều dài: 25cm (± 5%) - Có đường đánh dấu ở ống giúp xác định hướng đầu cannula, có cổng đuổi khí ở đầu co nối. Tiệt trùng.	Cái	50
5	N04.01.010	Cannula động mạch đùi một mảnh	Cannula động mạch đùi dùng tuần hoàn ngoài cơ thể trong phẫu thuật tim ít xâm lấn - Chất liệu: PVC/Silicon, không chứa DEHP. - Kích thước: 15-17-19-21Fr (5.0-7.0mm), chiều dài đầu tip 18cm (± 5%), chiều dài tổng cộng 32cm (± 5%), cổng kết nối 9,5mm. - Thiết kế wirewound chống xoắn, chiều dày thành 0,5mm (± 5%) cho phép dòng chảy cao, không có gờ giữa đầu tip với vùng chuyển tiếp.	Cái	50
6	N04.01.010	Cannula gốc động mạch chủ	Cannula gốc động mạch chủ 2 nhánh - Chất liệu: cannula bằng PVC, có đầu chắn bức xạ, kiểm soát áp lực động mạch chủ, kim chọc bằng thép không gỉ - Kích thước: chiều dài Cannula 14cm (± 5%), các cỡ 12-16G (5-9Fr), dạng chữ Y.	Cái	80
7	N04.01.010	Cannula gốc động mạch chủ ít xâm lấn	Cannula truyền dung dịch liệt tim qua gốc động mạch chủ trong phẫu thuật tim ít xâm lấn (MICS) - Chất liệu: cannula bằng PVC trong suốt, kim bằng thép không gỉ - Kích thước: Các cỡ (7-9Fr) chiều dài cannula 31cm (± 5%), đầu nối dạng luer lock - Cannula có đầu chắn bức xạ, đầu tiếp tiêu chuẩn có tính năng giúp ngừng chảy máu sau khi rút cannula.	Cái	50
8	N04.01.010	Cannula hút trong và ngoài tim	Cannula hút máu trong và ngoài tim - Chất liệu: PVC/Silicon, - Kích thước: * 12Fr (4mm), chiều dài 30,5cm (± 5%) * 20Fr (6.7mm) chiều dài 38cm (± 5%) - Đầu nối 0,65cm (± 5%) - Cannula thân mềm, đầu tiếp hình mũi khoan mềm giúp giảm tổn thương mô, đầu hút nhiều lỗ. Tiêu chuẩn: ISO, FDA/CE.	Cái	30
9	N04.01.010	Cannula mạch máu	Cannula mạch máu dùng trong tưới trực tiếp mô tạng - Chất liệu: PVC - Đầu ống 3mm, dài 5cm (± 5%) - Thân có chắn phóng xạ, đầu nối vặn xoắn	Cái	20

Số TT	Nhóm Vật tư	Tên vật tư y tế	Tiêu chí kỹ thuật	ĐVT	Số lượng kế hoạch
10	N04.01.010	Cannula thông khí tim trái các cỡ	Cannula thông khí tim trái - Chất liệu: PVC và silicon, - Kích thước: Các cỡ: 10-20Fr (ít nhất 6 cỡ), chiều dài: 33-43cm ($\pm 5\%$) - Cấu tạo: dễ dàng hút, không làm tổn thương mô, có nhiều lỗ hút phân tán ở vùng đầu dạng thẳng hoặc đầu vuông góc.	cái	30
11	N04.01.010	Cannula tĩnh mạch đùi đa tầng, các cỡ	Cannula tĩnh mạch đùi đa tầng các cỡ 20-22-24-26-28Fr, co nổi 3/8 in (9,5mm ($\pm 5\%$)). Chiều dài là 73cm, với chiều dài nóng là (97cm). Độ sâu đặt vào tổng cộng là 24 in (61cm). Tiêu chuẩn: CE/FDA	Cái	50
12	N04.01.010	Cannula tĩnh mạch một tầng	Cannula tĩnh mạch 1 tầng đầu thẳng dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể - Chất liệu: PVC/Silicon - Kích thước: Các cỡ 12-40Fr, chiều dài 30.5-38cm ($\pm 5\%$), co nổi 9,5mm ($\pm 5\%$) - Cannula tĩnh mạch chủ dưới một tầng, đầu thẳng, chống rạn, chống xoắn do có vòng lò xo gia cố, có dấu đánh giá độ sâu.	Cái	30
13	N04.01.090	Ống thông túi mật (Sonde Pezzer)	Ống thông túi mật (Sonde Pezzer)	Cái	100
14	N04.04.010	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 nòng có định vị bằng ECG	Bộ catheter tĩnh mạch trung tâm 3 nòng, kích cỡ 7,5F, 18G-18G-16G, theo phương pháp Seldinger, gồm 7 bộ phận. - Kim Y: 18G x7cm ($\pm 5\%$), có van một chiều ngăn trào máu. - Catheter: chất liệu Polyurethane, không latex, thân có cân quang, vạch chia. * 7.5Fx 15 - 17 cm, tốc độ dòng $\geq 62\text{ml/phút}$, $\geq 30\text{ml/phút}$, $\geq 30\text{ml/phút}$. * 7.5 F x20-22 cm tốc độ $\geq 50\text{ml/phút}$, $\geq 25\text{ml/phút}$, $\geq 20\text{ml/phút}$. Bộ phận khác: dây dẫn Nitinol đầu J, cây nong, bơm tiêm, dao mổ, 3 đầu nối phủ Heparin. - Tiệt trùng.	Cái	5
15	N04.04.030	Ống thông can thiệp mạch máu, phủ PTFE, kích cỡ 5-9F, dài 90-100cm, đầu tip 2.5-16mm	- Kích cỡ/ Đường kính trong: 5F/0.056", 6F/0.070", 7F/0.078", 8F/0.088", 9F/0.098" - Thiết kế cấu trúc bên kép gồm 1 dây phẳng, 1 dây lõi tròn thép không gỉ phản hồi mô-men xoắn 1:1 - Công nghệ TrueLumen hoặc tương đương; - Lớp lót trong PTFE, phần đầu phủ nylon - Thân ống thiết kế các vùng chuyển tiếp linh hoạt - Chiều dài ống: Các size cho mạch cánh tay brachial = 90 cm, mạch đùi femoral (5F, 6F, 7F, 8F = 100 cm), 9F = 98cm - Chiều dài đầu tip cân quang: 2,5mm, 16mm. - Các shape: JL, JCL, AL, XB, XBLAD, XBC, JR, JCR, AR, XBR, XBRCA, NR, Hockey Stick, DRC, MPA, MPB, JFL, JFR, RB, RBL, BARBEAU, LCB, RCB - Chiều dài ống: 90-100cm.	Cái	200
16	N04.04.030	Ống thông can thiệp mạch vành 130cm, tương thích dây dẫn 0.014"	Profile 1.7F, đầu mũi thon 0.6mm, độ dài đánh dấu cân quang 1mm, độ dài hữu dụng vì ống thông 130cm, tương thích dây dẫn 0.014", phủ lớp ái nước, cấu trúc 24 sợi bên. Tiệt trùng.	Bộ	26
17	N04.04.030	Vi ống thông dùng trong can thiệp mạch máu não 0.015 inch, công nghệ TrueLumen hoặc tương đương	Vi ống thông dùng trong can thiệp mạch máu não - Chất liệu: đoạn xa được phủ lớp ái nước, bên trong lòng ống phủ lớp PTFE, công nghệ TrueLumen hoặc tương đương. có các loại đầu thẳng, cong 45, 90, J, có 2 marker - Kích thước: + Chiều dài: 150cm + Đường kính: đường kính trong có các loại 0.015inch, đường kính ngoài đoạn đầu gần xa 2.3F/1.7F	Cái	20
Nhóm 5. Kim khâu, chỉ khâu, dao phẫu thuật					
18	N05.02.020	Vòng thắt mạch máu	Chất liệu silicon cân quang, không dính và không hấp thu vào mô, tiệt trùng. Có 4 cỡ chiều rộng 0,5mm; 1,3mm; 2,5mm và 5,0mm, dài 450mm ($\pm 5\%$). Tiêu chuẩn: CE/FDA.	Gói	500
19	N05.02.020	Vòng vén vết mổ kích cỡ 60-90mm	Vòng vén vết mổ dùng trong phẫu thuật ít xâm lấn vùng bụng. Chất liệu nhựa urathane Vòng trong: đường kính 60-90mm, không dây/có dây rút dễ dàng tháo vòng vén sau phẫu thuật Vòng ngoài: đường kính 60-90mm Tiêu chuẩn: CE/FDA	Cái	20

Số TT	Nhóm Vật tư	Tên vật tư y tế	Tiêu chí kỹ thuật	ĐVT	Số lượng kế hoạch
20	N05.02.030	Chỉ không tan đơn sợi polypropylene, số 3/0, dài 90cm, 2 kim tròn đầu 26mm, 1/2C	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 3/0 dài tối thiểu 90cm; - 2 kim tròn đầu tròn màu đen giúp nhìn rõ trong phẫu trường có nhiều máu, chất liệu hợp kim thép, chống cong gãy gồm niken, titan, chromium, molybden 3-4% và sắt, giới hạn độ bền kéo > 2.750 MPa (có chứng nhận bởi tổ chức độc lập), dài 26mm 1/2C. - Thân kim có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim giúp cố định kim kẹp kim tốt hơn. Hệ thống cảnh báo sớm, tại nút buộc sợi chỉ biến dạng. - Tiêu chuẩn: CE, FDA.	Tép	100
21	N05.02.030	Chỉ không tan tổng hợp đa sợi polyester, số 2/0 dài 75cm, 2 kim tròn đầu tròn 17mm 1/2C, miếng đệm pledget 3mm x 3mm x 1,5mm.	Chỉ không tan tổng hợp đa sợi polyester, gồm 16 bó sợi được bện với nhau xung quanh 1 lõi trung tâm, được bao phủ bằng polybutylate, số 2/0, dài tối thiểu 75cm, 2 kim tròn đầu tròn, chất liệu bằng hợp kim thép, chống cong gãy gồm niken, titan, chromium, molybden 3-4% và sắt, giới hạn độ bền kéo > 2.750 MPa (có chứng nhận bởi tổ chức độc lập), dài 17mm 1/2C, miếng đệm pledget 3mm x 3mm x 1,5mm.	Tép	50
22	N05.02.030	Chỉ không tan tổng hợp đa sợi polyester, số 2/0, dài 90cm, 2 kim tròn đầu cắt 17mm, 1/2 C.	Chỉ không tan tổng hợp đa sợi polyester, gồm 16 bó sợi được bện với nhau xung quanh 1 lõi trung tâm, được bao phủ bằng polybutylate, dài tối thiểu 90cm, 2 kim hình tròn đầu cắt, chất liệu bằng hợp kim thép, chống cong gãy gồm niken, titan, chromium, molybden 3-4% và sắt, giới hạn độ bền kéo > 2.750 MPa (có chứng nhận bởi tổ chức độc lập), dài 17mm 1/2 vòng tròn.	Tép	100
23	N05.02.030	Chỉ phẫu thuật PROLENE số 4/0, dài 75cm, 2 kim tròn đầu tròn 17mm, 3/8C	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 4/0 dài tối thiểu 75cm, 2 kim tròn đầu tròn, chất liệu hợp kim thép, chống cong gãy gồm niken, titan, chromium, molybden 3-4% và sắt, giới hạn độ bền kéo > 2.750 MPa (có chứng nhận bởi tổ chức độc lập), dài 17mm 3/8C. Hệ thống cảnh báo sớm, tại nút buộc sợi chỉ biến dạng. Tiêu chuẩn: CE, FDA.	Tép	100
24	N05.02.030	Chỉ tan đơn sợi có gai không cần buộc số 3/0 dài 30cm, kim tròn đầu nhọn, 1/2C, 26mm	Chỉ tan tổng hợp, đơn sợi, khâu cơ, đường tiêu hoá. Chất liệu: Glycomer 631 thành phần glycolide, dioxanone và trimethylene carbonate, có gai số 3/0, một đầu có vòng không cần buộc, dài tối thiểu 30cm, thời gian giữ vết thương ≥ 2 tuần, tan hoàn toàn 90 ngày. - Mật độ gai: 20 gai cùng chiều /cm, các gai xếp vòng quanh sợi chỉ. Thiết kế gai với góc cắt đôi giúp tăng lực giữ mô. - Độ bền kéo ≥ 1.77 kgF - 1 kim tròn đầu tròn, bằng Surgalloy hoặc tương đương, dài 26mm, 1/2C, kim phủ silicone công nghệ Nucoat hoặc tương đương. - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, CE, FDA.	Tép	100
25	N05.02.030	Chỉ tan đơn sợi có gai không cần buộc số 4/0 dài 15cm, kim tròn đầu nhọn, 3/8C, 17mm	Chỉ tan tổng hợp, đơn sợi, khâu cơ, đường tiêu hoá - Chất liệu: Glycomer 631 thành phần glycolide, dioxanone và trimethylene carbonate, có gai số 4/0, hướng gai một chiều, một đầu có vòng không cần buộc, dài tối thiểu 15cm, thời gian giữ vết thương ≥ 2 tuần, tan hoàn toàn 90 ngày. - Mật độ gai: 20 gai cùng chiều /cm, các gai xếp vòng quanh sợi chỉ. Thiết kế gai với góc cắt đôi giúp tăng lực giữ mô. - Độ bền kéo ≥ 0.95 kgF - 1 kim tròn đầu tròn, bằng Surgalloy 17mm hoặc tương đương, 3/8C, kim phủ silicone công nghệ Nucoat hoặc tương đương. - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn: ISO, CE, FDA.	Tép	100
26	N05.02.030	Chỉ tan đơn sợi có gai không cần buộc, số 3/0 dài 15cm, kim tròn đầu nhọn, 1/2C, 26mm	Chỉ tan tổng hợp, đơn sợi khâu cơ, đường tiêu hoá Chất liệu: Glycomer 631 thành phần glycolide, dioxanone và trimethylene carbonate, có gai số 3/0, hướng gai một chiều, một đầu có vòng không cần buộc, dài tối thiểu 15cm, thời gian giữ vết thương ≥ 2 tuần, tan hoàn toàn 90 ngày. - Mật độ gai: 20 gai cùng chiều /cm, các gai xếp vòng quanh sợi chỉ. Thiết kế gai với góc cắt đôi giúp tăng lực giữ mô - Độ bền kéo ≥ 1.77 kgF - 1 kim tròn đầu tròn, bằng Surgalloy hoặc tương đương 26mm, 1/2C, kim phủ silicone công nghệ Nucoat hoặc tương đương - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, CE, FDA.	Tép	100

Số TT	Nhóm Vật tư	Tên vật tư y tế	Tiêu chí kỹ thuật	ĐVT	Số lượng kế hoạch
27	N05.02.030	Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglactin, số 1, dài 100cm, kim tròn đầu tù khâu gan, 65mm, 3/8C	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate, số 1, dài tối thiểu 100cm, 1 kim tròn đầu tù khâu gan, chất liệu bằng hợp kim thép, chống cong gãy gồm niken, titan, chromium, molybden 3-4% và sắt, giới hạn độ bền kéo > 2.750 MPa (có chứng nhận bởi tổ chức độc lập), thân kim đẹp và vùng kẹp kim phẳng và có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim giữ kim linh hoạt không xoay kim, có phủ silicone, dài 65mm 3/8C. Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: 56-70 ngày. Tiêu chuẩn: ISO, CE, FDA	Tép	100
28	N05.02.030	Chỉ tan tổng hợp đa sợi số 4/0 dài 75cm, kim tròn đầu nhọn 1/2C, 26mm	Chỉ tan tổng hợp đa sợi, số 4/0 dài 75cm Chất liệu: Lactomer 9-1 gồm glycolic và lactide được bao phủ bởi Caprolactone Glycolide và Calcium stearoyl lactylate với hàm lượng <= 0.12 mg, đạt lực khô nút buộc ban đầu bằng 140% USP. - 1 Kim tròn đầu nhọn, bằng thép không gỉ, dài 26mm 1/2C, kim được phủ silicone đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học ISO10993, công nghệ Nucoat - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE, FDA.	Tép	200
29	N05.02.030	Chỉ thép số 5, kim tròn đầu cắt	Chỉ bằng thép không gỉ 316L, số 5, 4 sợi dài 45cm, chịu lực suốt vòng đời, tiêu chuẩn ASTM F138 mức độ 2 - Kim tròn đầu cắt dài 48mm, 1/2C, kim xoay Roto-Grip, kim phủ silicone bằng công nghệ Nucoat - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn: ISO/CE/FDA.	Tép	300
30	N05.02.040	Chỉ phẫu thuật không tiêu PTFE các cỡ	Chỉ khâu phẫu thuật không tiêu, chất liệu PTFE. Chiều dài chỉ \geq 75cm, kích thước chỉ 2/0-5/0 2 kim, kim 3/8, chiều dài kim 13mm, đường kính 0,24 - 0,51mm	Tép	30
hế, vật liệu cấy ghép nhân tạo					
31	N06.01.010	Mạch máu nhân tạo chất liệu PTFE, kích thước 15,2 x 15,2 cm	Miếng đệm khâu vá mạch máu: vá tim, vá mạch máu, bảo vệ mô khỏi bị vỡ hoặc ma sát do chỉ khâu gây ra. - Chất liệu: PTFE - Kích thước: 15,2x15,2 cm (\pm 5%) - Độ dày thông thường : 1,65mm (\pm 5%). - Tiêu chuẩn: FDA/CE	Cái	10
32	N06.01.010	Mạch máu nhân tạo chất liệu PTFE, kích thước 2,5 x 15,2 cm	Miếng đệm khâu vá mạch máu: vá tim, vá mạch máu, bảo vệ mô khỏi bị vỡ hoặc ma sát do chỉ khâu gây ra. - Chất liệu PTFE - Kích thước: 2,5x15,2 cm (\pm 5%). - Độ dày thông thường: 1,65mm (\pm 5%). - Tiêu chuẩn: FDA/CE.	Cái	20
33	N06.01.010	Mạch máu nhân tạo Polyester chữ Y, kiểu đan, 14mm x 7mm x 50cm, tráng collagen	Chất liệu: Polyester kiểu đan ngâm tẩm Collagen nguồn gốc da bò tinh khiết loại I - Khả năng thấm nước: tối đa 0.1 ml/cm ² /phút tại 120mmHg. - Mạch máu dạng chữ Y với kích thước: 14mm x 7mm x 50cm (\pm 5%) - Tiêu chuẩn: FDA/CE	Cái	10
34	N06.01.010	Mạch máu nhân tạo Polyester chữ Y, kiểu đan, 16mm x 8mm x 50cm, tráng collagen	Chất liệu: Polyester kiểu đan ngâm tẩm Collagen nguồn gốc da bò tinh khiết loại I - Khả năng thấm nước: tối đa 0,1 ml/cm ² /phút tại 120mmHg - Mạch máu dạng chữ Y với kích thước: 16mm x 8mm x 50cm (\pm 5%). - Tiêu chuẩn: FDA/CE	Cái	10
35	N06.01.010	Mạch máu nhân tạo thẳng chất liệu ePTFE, có vòng xoắn, chiều dài 50cm	Mạch máu nhân tạo thẳng, thành mỏng hoặc thành tiêu chuẩn. - Chất liệu ePTFE. - Ống ghép được gia cố bởi vòng xoắn, tăng khả năng chống gập, chống nén. - Kích thước: đường kính: 6-8mm, chiều dài \geq 50cm - Chứng nhận: CE/FDA	Cái	5
36	N06.01.010	Mạch máu nhân tạo thẳng, chất liệu ePTFE, có vòng xoắn chiều dài 80cm	Mạch máu nhân tạo thẳng, thiết kế thành mỏng hoặc thành tiêu chuẩn. - Chất liệu ePTFE. - Ống ghép được gia cố bởi vòng xoắn, tăng khả năng chống gập, chống nén. - Kích thước: đường kính: 6-8mm, chiều dài \geq 80cm - Chứng nhận: CE/FDA	Cái	5

Số TT	Nhóm Vật tư	Tên vật tư y tế	Tiêu chí kỹ thuật	DVT	Số lượng kế hoạch
37	N06.01.010	Mạch máu nhân tạo thẳng, chất liệu polyester ngâm gelatin, chiều dài 20 - 30cm	Mạch máu nhân tạo thẳng. - Chất liệu: polyester, ngâm tẩm gelatin, có thể thủy phân. Sử dụng sữa chữa mạch máu toàn thân như thay hoặc bắc cầu động mạch bị phình, tắc; - Kích thước: 8-32mm x 20-30cm ($\pm 5\%$). Tiệt trùng.	Cái	10
38	N06.01.010	Mạch máu nhân tạo kết hợp stent graft các loại, các cỡ	Mạch máu nhân tạo kết hợp stent graft động mạch chủ ngực dùng trong điều trị phình và bóc tách động mạch chủ. Hệ thống bao gồm mạch máu nhân tạo kết hợp stent graft. - Chất liệu: polyester, phần stent graft có lò xo stent nitinol. - Cấu tạo: bao gồm 1 đoạn mạch máu nhân tạo thẳng, phân nhánh/chia ba nhánh, 1 đoạn stent graft có cổ áo (collar), thiết bị hỗ trợ triển khai bộ stent graft. - Vòng định vị tại vị trí cổ áo (đầu gần stent graft) nhằm xác định vị trí tiếp nối với mạch máu nhân tạo. - Kích thước (đường kính mạch máu nhân tạo - stent graft) (mm): 26-22, 26-24, 26-26, 28-28, 30-30, 30-33, 30-36, 30-40; chiều dài của stent graft: 120mm, 130mm, 175mm, 180mm ($\pm 5\%$) Tiêu chuẩn: CE/FDA	Cái	5
39	N06.01.010	Ống ghép mạch máu chữ Y dài 45cm, các cỡ	Mạch máu nhân tạo chữ Y, ngâm tẩm gelatin thủy phân độc đáo, bền chặt với kiểu dệt chéo, kiểm soát, giữ mũi khâu chắc chắn. Ứng dụng trong việc thay thế động mạch chủ ngực - bụng; Chịu lực tối đa: $\geq 0,3$ kN. Lực giữ chỉ khâu: ≥ 29 N. Độ dày thành mạch: 0,6mm ($\pm 5\%$). Kích thước: 14mm x 7mm x 45cm, 16mm x 8mm x 45cm, 18mm x 9mm x 45cm, 20mm x 10mm x 45cm ($\pm 5\%$).	Cái	10
40	N06.01.030	Van động mạch chủ sinh học từ màng tim bò, các cỡ	3 lá van tách rời có cấu tạo từ màng tim bò được gắn vào một khung bằng hợp kim Cobalt - Chromium và được phủ bởi lớp Polyester dệt. Vòng khâu van bằng silicone, có đánh dấu chỉ màu. Van được xử lý dưới quy trình giảm tốc độ vôi hóa lá van nhằm xử lý cả 2 vị trí liên kết chính với canxi. Đường kính trong lớn: 18,20,22,24,26,28mm, tương ứng cỡ từ 19-29mm.	Chiếc	20
41	N06.01.030	Van động mạch chủ sinh học từ màng tim bò, công nghệ xử lý mô Resilia hoặc tương đương cỡ 19 -29mm	3 lá van tách rời có cấu tạo từ màng tim bò được gắn vào một khung bằng hợp kim Cobalt - chromium và được phủ bởi lớp Polyester dệt. Vòng khâu van bằng silicone, được phủ vải polytetrafluoroetylen xốp Lá van được xử lý bằng công nghệ đặc biệt loại bỏ aldehyde tự do trong khi vẫn bảo vệ mô. Công nghệ có vùng nối rộng van và có marker hiển thị dưới hình ảnh cận quang cho cỡ 19 - 25 mm dành cho quy trình can thiệp van trong van về sau. Cỡ 19 -29mm	Cái	2
42	N06.01.030	Van hai lá sinh học gồm từ màng tim bò, công nghệ xử lý mô Resilia hoặc tương đương cỡ 25 -33mm	3 lá van tách rời có cấu tạo từ màng tim bò được gắn vào một khung bằng hợp kim Cobalt - chromium và được phủ bởi lớp Polyester dệt giúp hiển thị rõ nét dưới hình ảnh cận quang dành cho quy trình can thiệp về sau. Vòng khâu van bằng silicone. Thiết kế bất đối xứng theo giải phẫu tự nhiên của van 2 lá Lá van được xử lý bằng công nghệ đặc biệt loại bỏ aldehyde tự do trong khi vẫn bảo vệ mô. Tiết diện van nhỏ giúp giảm cản trở dòng chảy thất trái. Cỡ 25 -33mm	Cái	2
43	N06.01.030	Van hai lá sinh học nhân tạo, các cỡ	3 lá van tách rời có cấu tạo từ màng tim bò được gắn vào một khung bằng hợp kim Cobalt - chromium. Van có vòng chỉ hướng dẫn vị trí khâu. Tay cầm single-cut giúp tháo van nhanh chóng. Vị trí đặt trên vòng van và có 2 markers chỉ dẫn vị trí đặt van để tối ưu hóa dòng chảy thất trái. Van được xử lý dưới quy trình giảm tốc độ vôi hóa. Cỡ 25-33mm	Chiếc	20

Số TT	Nhóm Vật tư	Tên vật tư y tế	Tiêu chí kỹ thuật	ĐVT	Số lượng kế hoạch
44	N06.02.020	Stent mạch vành CoCr đánh bóng điện giải phủ thuốc Sirolimus và Polymer phân hủy sinh học PLGA 85/15 theo công nghệ phủ không đối xứng	<p>Chất liệu Cobalt Chromium L605 được đánh bóng điện giải phủ hỗn hợp thuốc Sirolimus (Rapamycin) và Polymer phân hủy sinh học PLGA 85/15 polylactide-co-glycolide;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Liều lượng thuốc 1.40 µg/mm². Phóng thích 100% thuốc ≤ 100 ngày, Polymer phân hủy ≤ 4 tháng (thành phần Lactic Acid và Glycolic Acid phân hủy thành CO₂ và H₂O trong 10-13 tuần). - Công nghệ lớp phủ không đối xứng: mặt áp thành dày 5 µm, mặt lòng trong stent dày 3 µm. - Thiết kế: mắt cáo mở. Độ dày thanh chống: 0.0026"/ 65 µm. - Khẩu kính thâm nhập tổn thương: 0.017" (0.43 mm), Khẩu kính băng qua tổn thương: 0.97 mm (Ø 3.0 mm). - Có 2 đầu cân quang Platinum/Iridium ở 2 đầu bóng, thêm 2 đầu cân quang đầu gần trên shaft cách 95cm (±5%) và 105cm (±5%) tính từ đầu tip. - Stent gắn trên bóng chất liệu hợp chất proprietary polyamide, có 3 nếp gấp (đường kính 2.25 - 4.0mm) hoặc 5 nếp gấp (đường kính 4.5 - 5.0mm), thân xa bằng Polyamide, dạng ống nhiều lớp, phủ lớp ái nước, đường kính 2.8 - 3.0 F; thân gần bằng thép không gỉ, phủ PTFE, đường kính 1.9 F. - Chiều dài khả dụng: 138cm (±5%), chiều dài lumen dây dẫn: 27cm (±5%), tương thích ống thông 5F (đường kính trong tối thiểu 0.056"). Đường kính dây dẫn tối đa: 0.014" (0.35 mm). - Áp lực định danh: 8bar, áp lực tối đa: 16-19bar - Kích cỡ: đường kính 2.25, 2.50, 2.75, 3.00, 3.25, 3.50, 4.00 mm. Chiều dài 8, 10, 13, 16, 18, 23, 28, 33, 38, 43, 48 mm. - Tiệt trùng. 	Cái	30
45	N06.02.060	Stent graft động mạch chủ ngực các loại, các cỡ	<p>Stent graft sử dụng cho phình động mạch chủ ngực bụng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Stent: Nitinol; Graft: Polyester đa sợi mật độ cao. - Đường kính dụng cụ 8mm (±5%) - 4 nhánh được đi sẵn dây dẫn với kích thước 8mm (thân tạng - CT, mạc treo tràng trên -SMA) và 6mm (động mạch thận - LRA/RRRA). - Marker chất liệu vàng và bạch kim-iridium. Đầu gần có năm marker và hai marker chữ E, đầu xa có ring marker. - Kích cỡ: Đường kính của Stent 33mm (±5%) và 38mm (±5%), dài ≥ 220mm. - Hệ thống bung stent theo cơ chế Bóp-Thả điều khiển bằng 2 tay giúp đặt stent ở đúng vị trí mong muốn. - Tiêu chuẩn: CE/FDA 	Cái	1
46	N06.02.060	Stent graft bổ sung cho động mạch chủ ngực	<p>Stent graft bổ sung cho động mạch chủ ngực:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phù hợp với bộ khung giá đỡ động mạch chủ ngực loại có marker hình số "8" chất liệu platinum iridium và mắt stent hình sin. - Có 4 marker hình số 8 chất liệu platinum iridium ở đầu gần và ở giữa thân stent, marker hình "O" ở đầu xa. - Hệ thống dẫn stent phủ hydrophilic. - Kích cỡ: Đường kính của stent từ 22 - 46mm, chiều dài che phủ của stent từ 100 - 200mm. - Chất liệu: Stent: Nitinol; Graft: Polyester mật độ cao - Tiêu chuẩn kỹ thuật: CE/FDA 	Cái	20
47	N06.02.090	Khung giá đỡ động mạch có màng bọc sử dụng trong kỹ thuật ghép song song chimney	<p>Khung giá đỡ động mạch có màng bọc, chỉ định sử dụng cùng với stent graft trong điều trị tình trạng phình động mạch chủ chậu hoặc động mạch chủ bụng sát thận theo kỹ thuật ghép song song chimney:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bung bằng bóng - Chất liệu: khung giá đỡ: thép không gỉ 316L, màng bọc: ePTFE. - Kích cỡ: đường kính: 6, 7mm, chiều dài: 22, 32, 38, 59 mm. - Chiều dài làm việc của hệ thống: 120cm, tương thích với guide wire 0.035", sheath 6F/7F. - Có 2 vạch cân quang, chất liệu vàng. - Tiêu chuẩn kỹ thuật: CE/FDA 	Cái	10
48	N06.02.090	Stent đường mật bằng Nitinol, lõi bạch kim, mắt đóng dạng bện	<p>Stent đường mật bằng Nitinol, lõi bạch kim, mắt đóng dạng bện. Tương thích catheter 6 - 8.5F, dây dẫn đường 0.025 - 0.035"</p>	Cái	10

Số TT	Nhóm Vật tư	Tên vật tư y tế	Tiêu chí kỹ thuật	ĐVT	Số lượng kế hoạch
49	N06.05.040	Miếng vá sinh học, vá tim, vá mạch máu cỡ 4x4cm	<p>Chất liệu: màng ngoài tim bò</p> <p>- Chỉ định: để tái tạo mạch máu và thủ thuật cắt bỏ nội mạc mạch. Sử dụng công nghệ mô tương tự để hoàn thiện cho van tim</p> <p>- Đặc điểm: Tương thích sinh học, tương thích với các loại chỉ khâu, Độ dày Collagen đồng nhất, dễ dàng cắt để có hình dạng kích thước mong muốn.</p> <p>- Độ dày 0,35mm-0,75mm. kích cỡ 4x4cm (±5%)</p> <p>- Tiêu chuẩn: FDA/CE</p>	Miếng	10
50	N06.05.040	Miếng vá sinh học, vá tim, vá mạch máu cỡ 4x6cm	<p>Chất liệu: màng ngoài tim bò</p> <p>- Chỉ định: để tái tạo mạch máu và thủ thuật cắt bỏ nội mạc mạch. Sử dụng công nghệ mô tương tự để hoàn thiện cho van tim</p> <p>- Đặc điểm: Tương thích sinh học, tương thích với các loại chỉ khâu, Độ dày Collagen đồng nhất, dễ dàng cắt để có hình dạng kích thước mong muốn.</p> <p>- Độ dày 0,35mm-0,75mm. Cỡ 4x6cm (±5%)</p> <p>- Tiêu chuẩn: FDA/CE</p>	Miếng	10
51	N06.05.040	Miếng vá sinh học, vá tim, vá mạch máu cỡ 8x14cm	<p>Chất liệu: màng ngoài tim bò</p> <p>- Chỉ định: để tái tạo mạch máu và thủ thuật cắt bỏ nội mạc mạch. Sử dụng công nghệ mô tương tự để hoàn thiện cho van tim</p> <p>- Đặc điểm: Tương thích sinh học, tương thích với các loại chỉ khâu, Độ dày Collagen đồng nhất, dễ dàng cắt để có hình dạng kích thước mong muốn.</p> <p>- Độ dày 0,35mm-0,75mm. Cỡ 8x14cm (±5%)</p> <p>- Tiêu chuẩn: FDA/CE</p>	Miếng	5
52	N06.05.040	Miếng vá sinh học, vá tim, vá mạch máu, cỡ 10x15cm	<p>Chất liệu: màng tim bò</p> <p>- Chỉ định: dành cho kỹ thuật vá tim và mạch máu.</p> <p>- Công nghệ xử lý mô sinh học XenoLogiX hoặc tương đương.</p> <p>- Đóng gói trong dung dịch glutaraldehyde.</p> <p>- Độ dày: 0.5mm (± 0.25mm).</p> <p>- Kích cỡ: 10x15cm (±5%).</p>	Cái	10
53	N06.06.030	Keo phẫu thuật sinh học gắn dán và gia cố mô 5ml	<p>Keo phẫu thuật sinh học gắn dán và gia cố mô</p> <p>Công dụng:</p> <p>+ Bịt kín kẽ hở, dính bề mặt và gia cố các mô mềm;</p> <p>+ Chỉ định với mô tại tim, mạch máu, phổi, sinh dục, màng cứng, đường tiêu hóa (thực quản, dạ dày - ruột non, đại trực tràng), các bộ phận khác trong ổ bụng (tuyến tụy, lá lách, gan và mật) và trong định hình miếng phẫu thuật trong sửa chữa thoát vị;</p> <p>Chất liệu: protein hydrogel chứa BSA và 65% nước; được tạo thành từ huyết thanh Albumin bò (BSA) (45%) và glutaraldehyde (10%).</p> <p>Chịu được áp lực ≥ 450mmHg.</p> <p>Thể tích: 5ml (± 5%).</p> <p>Gồm: 1 tuýp keo + 4 đầu bơm keo</p> <p>Tiệt trùng.</p> <p>Tiêu chuẩn: FDA/CE</p>	Tuýp	30
Nhóm 7. Vật tư y tế sử dụng trong một số chuyên khoa					
54	N07.01.010	Catheter siêu âm lòng mạch có chức năng quang học	<p>Phù hai lớp ái nước Hydrophilic 50cm</p> <p>- Kích thước đầu vào 2.4F (0.80mm)</p> <p>- Chỉ số vượt qua 3.2F (1.09mm)</p> <p>- Đường kính ngoài trục đoạn gần 3.6F (1.20mm)</p> <p>- Tương thích hướng dẫn can thiệp 6F</p> <p>- Tương thích với dây dẫn (đường kính ngoài tối đa) 0.014 inch (0.36mm)</p> <p>- Dải tần số IVUS: 35 - 65 MHz; Băng thông 60%</p> <p>- Phạm vi hình ảnh 150mm</p> <p>- Khoảng cách từ đoạn đầu đến hình ảnh IVUS 16mm</p> <p>- Đường kính hình ảnh IVUS 16mm</p> <p>- Ống bọc tăng cường theo dõi (TRS) có đường kính ngoài 3.4F</p> <p>- Chiều dài làm việc 160cm</p> <p>- Tiệt khuẩn</p> <p>- Tiêu chuẩn: FDA/CE.</p>	Bộ	50

Số TT	Nhóm Vật tư	Tên vật tư y tế	Tiêu chí kỹ thuật	ĐVT	Số lượng kế hoạch
55	N07.01.460	Vi dây dẫn đường (micro guide wire) các loại, các cỡ	Lõi dây hình trụ tròn chất liệu thép không gỉ Dây dẫn đơn lõi/đa lõi theo công nghệ thiết kế vòng xoắn kép tăng độ bền đầu tip, khả năng phản hồi momen xoắn và chống giật. Vòng xoắn ngoài (Lõi platinum + thép không gỉ) giữ được phản hồi moment xoắn của dây dẫn. Tip load từ 0.3 - 12 gf hỗ trợ cho các trường hợp can thiệp CTO. Lớp phủ: silicon, ái nước hoặc phủ ái nước trên nền polymer. Đầu tip: thẳng, J, định hình sẵn Chiều dài: 180, 190, 300, 330 cm	Cái	50
56	N07.01.460	Vi dây dẫn can thiệp CTO thép không gỉ với cấu trúc vòng xoắn kép ACT ONE, tip load 2-6 gf	Lõi dây hình trụ tròn chất liệu thép không gỉ Dây dẫn đa lõi theo công nghệ thiết kế vòng xoắn kép tăng độ bền đầu tip, khả năng phản hồi momen xoắn và chống giật. Tip load 2.0gf, 3.0gf, 4.0gf, 6.0 gf hỗ trợ cho các trường hợp can thiệp CTO. Vòng xoắn ngoài (Lõi platinum + thép không gỉ) giữ được phản hồi moment xoắn của dây dẫn. Lớp phủ: ái nước hoặc phủ ái nước trên nền polymer. Đầu tip: thẳng, J, định hình sẵn. Chiều dài: 190, 200, 235, 300 cm	Cái	20
57	N07.01.060	Hệ thống máy đốt rung nhĩ và phụ kiện	Đầu đốt đơn cực phẫu thuật điều trị tim rung nhĩ bằng sóng cao tần - Chất liệu: Tay cầm bằng nhựa, đầu đốt bằng hợp kim, sử dụng sóng cao tần kết hợp hệ thống tưới nước muối sinh lý điều trị rung nhĩ loại đơn cực. - Kích thước: Đầu đốt phẫu thuật trực thép không gỉ dễ uốn với vỏ bọc silicone/fluoropolymer dài 8cm ($\pm 5\%$) (dùng trong mổ tim hở), 20cm ($\pm 5\%$) (dùng trong mổ tim ít xâm lấn) tổng chiều dài 300cm ($\pm 5\%$).	Cái	20
58	N07.01.060	Đầu đốt đơn cực trong phẫu thuật điều trị rung nhĩ và phụ kiện	Đầu đốt đơn cực phẫu thuật điều trị tim rung nhĩ - Chất liệu Tay cầm bằng nhựa, đầu đốt bằng hợp kim, Sử dụng sóng cao tần kết hợp hệ thống tưới nước muối sinh lý điều trị rung nhĩ loại đơn cực - Kích thước: Đầu đốt phẫu thuật dài 8cm (dùng trong mổ Tim hở), 20cm (dùng trong mổ Tim ít xâm lấn) - Tiêu chuẩn: FDA/CE - Hỗ trợ phát năng lượng 68000 cardioblate	Cái	20
59	N07.01.110	Ống thông tưới máu não có chọn lọc	Chất liệu ống thông: silicon, kèm một bóng silicon, có gân trên bề mặt cải thiện độ bám/giảm tuột từ động mạch mục tiêu, để sử dụng trong phẫu thuật động mạch chủ. Thể tích bơm bóng tối đa 3,5ml ($\pm 5\%$). - Ống thông trang bị kênh đo áp lực giúp kiểm soát áp lực trong quá trình tưới máu. - Chiều dài hiệu dụng: 270mm ($\pm 5\%$), kích cỡ 12Fr, 14Fr và 16Fr. - Hai kiểu kết nối dạng đầu nối luer hoặc đầu nối hình côn.	Cái	14
60	N07.01.240	Bóng nong mạch vành áp lực cao có 2 marker, các cỡ	Chiều dài bóng từ 6mm - 30mm, đường kính bóng từ 2.0 - 5.0mm. Tip profile nhỏ 0.016". Có 2 marker bằng Platinim Iridium. Tiết trùng	Cái	30
61	N07.01.270	Dây dẫn chẩn đoán tim mạch 150 - 180 cm	Dây dẫn theo công nghệ ACT ONE (thiết kế vòng xoắn kép) hoặc tương đương tại đầu tip tăng khả năng phản hồi momen xoắn. Lớp phủ hybrid với silicon ở đoạn xa (15 cm) và hydrophilic ở đoạn giữa (65 cm). Chất liệu: thép không gỉ. Đường kính: 0.035 inch. Chiều dài từ 150 - 180 cm. Hình dạng đầu tip: Angled, 1.5J, 3J. Chứng nhận chất lượng: ISO, CE/FDA.	Cái	100
62	N07.01.270	Dây dẫn chẩn đoán tim mạch 200 - 300 cm	Dây dẫn theo công nghệ ACT ONE (thiết kế vòng xoắn kép) hoặc tương đương tại đầu tip tăng khả năng phản hồi momen xoắn. Lớp phủ hybrid với silicon ở đoạn xa (15 cm) và hydrophilic ở đoạn giữa (65 cm). Chất liệu: thép không gỉ. Đường kính: 0.035 inch. Chiều dài từ 200 - 300 cm. Hình dạng đầu tip: Angled, 1.5J, 3J. Chứng nhận chất lượng: ISO, CE/FDA.	Cái	100

Số TT	Nhóm Vật tư	Tên vật tư y tế	Tiêu chí kỹ thuật	ĐVT	Số lượng kế hoạch
63	N07.01.300	Dụng cụ cố định mạch vành	Giác hút chân không mềm, dễ uốn. Xoay 360°, Khớp nối động giúp định vị dễ dàng. - Dễ dàng quan sát chỗ nối mạch. Có thể gắn với tất cả các loại banh xương ức. - Tiêu chuẩn: FDA/CE	Cái	15
64	N07.01.300	Dụng cụ cố định mạch vành tự bung, các cỡ	Dụng cụ cố định mạch vành trong phẫu thuật bắc cầu mạch vành tim đập - Chất liệu: PVC, giác hút silicon, khớp xoay thép không gỉ; - Kích thước: Giác hút 30mm ($\pm 5\%$) - Có đặc tính tự bung, giác hút có thể uốn cong linh hoạt, để xoay được 360 độ, khóa kiểm soát. Bộ cố định có kèm dây hút chân không với bình chứa 150ml có lọc bên trong.	Cái	15
65	N07.01.350	Dụng cụ thổi khí	Dụng cụ thổi CO2 trong mổ mạch vành, có chức năng phun sương áp lực cao giúp bộc lộ mạch vành khi phẫu thuật - Chất liệu: PVC và Silicon, đầu ống có thể uốn - Tay cầm khoảng 15cm ($\pm 5\%$), ống kim loại khoảng 15cm ($\pm 5\%$).	Cái	30
66	N07.01.350	Hệ thống dẫn lưu ngực ba buồng	Hệ thống dẫn lưu ngực kín nước, sử dụng một lần. Gồm: - Ba buồng (buồng kín nước (1), buồng điều khiển hút (2), và buồng chứa dịch (3)), thể tích chứa dịch ≥ 2500 ml. - Bình dẫn lưu có móc treo giường và giá đứng sàn. - Van giải áp lực âm và dương. - Tiêu chuẩn: CE/FDA.	Cái	200
67	N07.01.403	Bộ Máy tạo nhịp vĩnh viễn có chức năng phá rung, 1 buồng và phụ kiện chuẩn, chuẩn kết nối DF-4 hoặc tương đương	Bộ máy tạo nhịp phá rung 1 buồng, bề dày 11mm, pin 1.52Ah, 8 số 40J trong vùng điều trị, có chức năng ATP OneShot trong vùng VF, có chức năng giúp phát hiện đúng loạn nhịp, thời gian hoạt động >10 năm. Tương thích MRI, có chức năng theo dõi từ nhà- Home monitoring. Chức năng giúp triệt tiêu sóng T. Dây điện cực số 4 tương thích MRI.	Bộ	4
68	N07.01.420	Ống nối động mạch cảnh tạm thời	Chất liệu: Polyurethane, không latex - Dài 30cm ($\pm 5\%$), đường kính 8F-9F - Có bóng bịt 2 đầu không gây chấn thương, có mã hóa màu và vạch đánh dấu độ sâu theo cm - Tiêu chuẩn: FDA	Cái	10
69	N07.01.420	Ống nối động mạch vành tạm thời	Sử dụng đặt ống nối mạch máu trong phẫu thuật động mạch vành. Chất liệu: đầu và thân bằng silicon - Kích thước: đầu hình cây nến các cỡ 1,25mm, 1,5mm, 1,75mm, 2mm với trục dài 12mm - Đặc điểm: + Phần đầu vát mềm bất đối xứng, giảm sang chấn lớp nội mạc trong quá trình chèn vào và rút ra. + Thiết kế dòng chảy không vật cản giúp cải thiện lưu lượng máu, không gây ra tình trạng rối loạn dòng chảy - Tiêu chuẩn: FDA/CE	Cái	100
70	N07.01.460	Dây dẫn can thiệp mạch máu não, dài 205cm, 300cm, có 10cm Platinum đầu xa	Dây dẫn can thiệp mạch máu não Chất liệu: thép không gỉ, có 10cm platinum đoạn đầu xa, với lớp phủ bề mặt có độ bôi trơn cao, có các loại standard và soft. Thiết kế đoạn đầu lõi nhọn để định dạng dây. Kích thước: + Chiều dài: 205cm, 300cm + Đường kính: 0.014inch Tiêu chuẩn chất lượng ISO. Tiêu chuẩn đóng gói: Hộp/1 cái	Cái	92
71	N07.01.480	Bộ điện cực dán dùng trong lập bản đồ điện tim 3 chiều, kích thước nhỏ	Bộ điện cực dán dùng trong lập bản đồ điện tim 3 chiều, kích thước nhỏ. Công nghệ định hướng và hình ảnh hóa cho phép tạo ra các bản đồ tim 3-D chi tiết, 16 bề mặt tim khác nhau trong một mô hình duy nhất, định vị điện cực 102 lần mỗi giây, hiển thị lên đến 128 điện cực, tương thích với các loại catheter và máy đốt.	Bộ	20
72	N07.04.050	Dụng cụ khâu cắt nối nội soi đa năng trợ lực dài 16cm	Dụng cụ cắt khâu nối đa năng có chức năng trợ lực dùng trong phẫu thuật nội soi. Công nghệ bánh răng đa tốc độ. Tương thích với các loại băng đạn chiều cao ghim đồng đều, gồm đầu thẳng, đầu cong, đầu ngắn. Tiêu chuẩn: FDA/CE.	Cái	12
73	N07.04.070	Lưới chống dính hình chữ nhật 20x20cm	Lưới đặt thoát vị thành bụng, dệt 3D, thiết kế mũi dệt X cải tiến, đa sợi, có màng collagen chống dính 1 mặt, mềm xốp dễ thao tác, co giãn đa chiều, vật liệu polyester, có dính kèm chỉ ở 4 điểm, kích thước 20x20cm	miếng	10

Số TT	Nhóm Vật tư	Tên vật tư y tế	Tiêu chí kỹ thuật	ĐVT	Số lượng kế hoạch
74	N07.04.070	Lưới điều trị thoát vị 3D các cỡ	Lưới thoát vị 3D, dạng hình học 3 chiều phù hợp cấu trúc giải phẫu ổ bụng, thích hợp cho mổ nội soi TAPP, TEP và TAPP robot. - Chất liệu: polypropylene đơn sợi, nhớ hình, có đánh dấu cạnh và đường giữa. Độ rộng mắt lưới: 6.5 mm ² . Trọng lượng ≥ 42 g/m ² . - Không cần cố định lưới. - Có tùy chọn cho thoát vị bên phải hoặc bên trái. - Kích cỡ: 7.9x13.4cm; 10.3x15.7cm; 12.2x17cm (± 5%). - Tiêu chuẩn: ISO, CE/FDA.	Cái	48
75	N07.06.040	Gân nhân tạo	Vật liệu PET (polyethylene terephthalate) - Dạng sợi không dệt, chịu được lực xoắn, giảm căng dây chằng, độ xốp cao, tạo môi trường tốt cho sự phát triển của mô. - Chiều dài: 230 - 470 mm, đường kính 4 - 9,0 mm - Số lượng sợi nhỏ trong 1 gân: 20 - 160.	Cái	20
76	N07.06.040	Vít chốt cố định gân	Vật liệu hợp kim Titanium, đạt tiêu chuẩn ISO 5832-3, có khả năng tương thích sinh học cao. - Kích thước: đường kính 4.7 - 10mm, chiều dài 15 - 60 mm	Cái	20
77	N07.06.040	Sụn nhân tạo	Cấu trúc 3D, thành phần 100% từ Hyaluronic acid (HA) nguồn gốc phi động vật (được lên men từ tế bào). - Tính tương thích sinh học cao, được hấp thụ tự nhiên vào cơ thể. - Dính kết tự nhiên, không cần dùng chất kết dính - Có thể ứng dụng ghép tại sụn gối, mắt cá chân,... - Kích thước: 2 x 2 cm Tiệt trùng.	Cái	20
78	N07.06.040	Cây móc chỉ dùng cho kỹ thuật khâu sụn chêm	Cây móc chỉ dùng cho kỹ thuật khâu sụn chêm được sử dụng trong nội soi khớp Kích thước: Tay cầm dài 17 inch, kim móc chỉ: 8.75 inch Chất liệu: tay cầm bằng nhựa ABS, cán bằng thép không rỉ và dây luồn bằng nitinol Tiêu chuẩn: FDA/CE.	Cái	8
79	N07.06.080	Ghim cố định gân	Vật liệu hợp kim CoCr, có 3 kích thước 6/8/10mm * 20mm	Cái	20
80	N07.06.080	Dao cắt/đục sụn	Chiều dài cả lưỡi: 19,5 - 23 cm; chiều dài phần làm việc: 3 - 4cm - Đầu gấp góc giúp dễ dàng lách vào phần sụn - Độ sâu thâm nhập sụn: tối đa 9 mm; độ rộng thâm nhập sụn: tối đa 6,3 mm ² - Có 2 loại lưỡi đục cong và thẳng ứng dụng trong đục sụn gối và đục sụn chêm. Tiệt trùng.	Cái	20
81	N07.06.080	Tay dao cắt/đục sụn	Dụng cụ tạo tổn thương dưới sụn gồm: - Tay cầm đục sụn, dài khoảng 21 cm, chiều dài phần gấp góc: khoảng 1,5cm - Tay bẩy: chức năng rút lưỡi dao cắt sụn - Tiệt trùng	Cái	20
Nhóm 8. Vật tư y tế sử dụng trong chẩn đoán, điều trị khác					
82	N08.00.010	Băng đạn, ghim khâu dùng trong phẫu thuật nội soi đa năng các cỡ 45-60mm	Băng đạn (ghim khâu) nội soi cỡ 45mm, 60mm. Chất liệu ghim: Titanium. Chiều cao ghim: 2.5mm, 3.25mm, 4.0mm, 5.0mm. Chiều cao ghim đóng: 1.0mm, 1.5mm, 1.8mm, 2.2mm. Có đầu thẳng, đầu cong, đầu ngắn. Tương thích dụng cụ khâu nối nội soi có chức năng trợ lực. Tiêu chuẩn: FDA/CE.	Cái	72
83	N08.00.030	Băng keo chỉ thị cho tiệt trùng Formaldehyde	Băng keo chỉ thị cho tiệt trùng Formaldehyde. Cuộn chỉ thị có kích thước: 19mm x 50m (±5%).	cuộn	20

Số TT	Nhóm Vật tư	Tên vật tư y tế	Tiêu chí kỹ thuật	ĐVT	Số lượng kế hoạch
84	N08.00.340	Phin lọc nước vô khuẩn đầu vòi	Phin lọc nước vô khuẩn đầu vòi dùng 1 lần. Cấu tạo: hai lớp màng PES 0.2um với một lớp màng tiền lọc. Màng lọc chứng nhận khả năng giữ vi khuẩn > 107/cm2 (Cấp độ diệt trùng) - Vật liệu màng: Polyethersulfone - Vật liệu ngoài: Polypropylene - Cấp độ loại bỏ: 0.2um - Chiều dài tối đa: 75mm (±5%) - Đường kính quả lọc: 70mm (±5%) - Tốc độ dòng: + ≥ 3.6 lít/phút tại 1bar + ≥ 9.5 lít/phút tại 3bar + ≥ 13.2 lít/phút tại 5 bar - Nhiệt độ hoạt động tối đa: 70oC - Áp suất hoạt động tối đa: 6.0bar - Diện tích lọc: 465 ±5 cm2 - Thời gian sử dụng ≥ 30 ngày - Dạng vòi: Hoa sen	cái	20
85	N08.00.470	Trocar nhựa dùng trong phẫu thuật nội soi, không dao đường kính 5-12mm, dài 48 mm	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi lồng ngực, loại đầu mềm/đầu cứng - Dài 48mm, đường kính 5mm/10mm/12mm - Tiêu chuẩn: CE/FDA	Cái	20
86	N08.00.330	Mũi cắt sọ não, kích thước người lớn	Mũi cắt sọ não dạng thẳng, đường kính 1.8 x 15 mm ± 5% - Mũi cắt đa năng có thể gắn với nhiều ngàm chức năng; - Cơ cấu tháo lắp đơn giản. - Tiêu chuẩn: ISO 13485; CE/FDA - Đóng gói tiệt trùng, sử dụng một lần.	Cái	20
87	N08.00.330	Mũi khoan mài trái khế các cỡ	Mũi mài trái khế, các kích thước đường kính từ 1.0mm - 7.5mm ± 5% - Mũi mài đa năng có thể gắn với nhiều ngàm chức năng, thẳng và gấp góc. - Cơ cấu tháo lắp đơn giản. - Có 8 vạch chỉ chỉ trên mũi khoan mài cho phép mở rộng chiều dài làm việc thêm ≥ 8mm - Tiêu chuẩn: ISO 13485; CE/FDA. - Đóng gói tiệt trùng, sử dụng một lần.	Cái	20
88	N08.00.330	Mũi khoan mài kim cương các cỡ	Mũi mài kim cương, các kích thước đường kính từ 0.8mm - 6.0mm ± 5% - Mũi mài đa năng có thể gắn với nhiều ngàm chức năng, thẳng và gấp góc - Cơ cấu tháo lắp đơn giản, tiết kiệm thời gian - Có 8 vạch chỉ chỉ trên mũi khoan mài cho phép mở rộng chiều dài làm việc thêm ≥ 8mm - Tiêu chuẩn: ISO 13485; CE/FDA. - Đóng gói tiệt trùng, sử dụng một lần	Cái	20
Nhóm khác					
89	N00.00.000	Dụng cụ thắt và cắt chỉ khâu loại ngắn kèm chốt titan dài 17cm	Bộ bao gồm: 1. Dụng cụ thắt và cắt chỉ khâu loại ngắn: chiều dài 17cm (± 5%), đường kính thân dụng cụ 4mm (± 5%) 2. Chốt titan thắt chỉ khâu, gồm: + Chốt có dạng hình nấm, chất liệu titan y tế; + Móc cong cùn + Một dây bẫy chỉ Chỉ định: Sử dụng kết hợp với chỉ khâu polyester để thắt và cắt chỉ khâu trong phẫu thuật chung và phẫu thuật tim mạch. - Tiêu chuẩn: FDA/CE. Tiệt trùng.	Bộ	30
90	N00.00.000	Dụng cụ thắt và cắt chỉ khâu loại thông thường kèm chốt titan dài 31 cm	Bộ bao gồm: 1. Dụng cụ thắt và cắt chỉ khâu loại thông thường: chiều dài 31cm (± 5%), đường kính thân dụng cụ 5mm (± 5%) 2. Chốt titan thắt chỉ khâu, gồm: + Chốt có dạng hình nấm, chất liệu titan y tế; + Móc cong cùn; + Một dây bẫy chỉ. Chỉ định: Sử dụng kết hợp với chỉ khâu polyester để thắt và cắt chỉ khâu trong phẫu thuật chung và phẫu thuật tim mạch. - Tiêu chuẩn: FDA/CE. Tiệt trùng.	Bộ	10

Số TT	Nhóm Vật tư	Tên vật tư y tế	Tiêu chí kỹ thuật	ĐVT	Số lượng kế hoạch
91	N00.00.000	Chốt titan thắt chỉ khâu	<p>Chốt titan thắt chỉ khâu bao gồm: + Chốt có dạng hình nấm, chất liệu titan y tế + Móc cong cùn + Một dây bẫy chỉ</p> <p>Chỉ định: Sử dụng kết hợp với chỉ khâu polyester để thắt và cắt chỉ khâu trong phẫu thuật chung và phẫu thuật tim mạch. - Tiêu chuẩn: FDA/CE. Tiệt trùng.</p>	Chiếc	30
92	N00.00.000	Mỡ thoa trực tràng	<p>Mỡ thoa trực tràng được dùng để điều trị các triệu chứng và các biến chứng của bệnh trĩ. - Thành phần chính: Sucralfat, bơ ca cao, lanolin (nguồn gốc thực vật), vaseline trắng, sáp ong trắng, nước tinh khiết... - Dạng mỡ thoa trực tràng - Khối lượng: 25 - 30 gam (kèm dụng cụ bôi bằng nhựa để gắn vào tuýp)</p>	Tuýp	100
93	N00.00.000	Viên đạn đặt trực tràng	<p>Viên đạn đặt trực tràng được dùng để điều trị các triệu chứng của bệnh trĩ và các biến chứng. - Thành phần chính: Sucralfate, bơ ca cao, lanolin (nguồn gốc thực vật), Witepsol W25 (chất nền của viên đạn)... - Dạng viên đạn đặt trực tràng</p>	viên	1,000
94	N00.00.000	Bàn chải lông mềm sử dụng một lần chiều dài 200 - 220mm, kích thước lông chải 60 x 20 x 15 mm	Bàn chải lông mềm sử dụng một lần chiều dài 200 - 220mm, kích thước lông chải (DxRxC) 60 x 20 x 15 mm (±5%)	cái	120
95	N00.00.000	Bàn chải kép đối xứng dùng nhiều lần	Bàn chải kép đối xứng dụng nhiều lần, chiều dài chổi 50cm(±5%), đường kính lông chổi 2 đầu: 8mm(±5%) và 10mm(±5%)	cái	30
96	N00.00.000	Giấy gói dụng cụ y tế tiệt trùng	<p>Đặc tính: Sheet of (43) g/m2 (±5%) - Tương thích với các phương pháp khử trùng: + ANSI/AAMI ST46: Khử trùng bằng hơi nước; + ANSI/AAMI ST79: Hướng dẫn Toàn diện về Khử trùng bằng Hơi nước; + ANSI/AAMI ST77: Đóng gói để tiệt trùng thiết bị y tế tái sử dụng; + ANSI/AAMI ST4: Khử trùng bằng EO trong các cơ sở y tế + Đáp ứng khử trùng bằng hóa chất khử khuẩn mức độ cao theo phương pháp H2O2 plasma hơi thấp trong các cơ sở y tế - Tiêu chuẩn: CE/FDA.</p>	Tờ	500
97	N00.00.000	Thẻ xét nghiệm độ đông máu ACT	Thẻ xét nghiệm nhanh tại chỗ (POCT), cho ra chỉ số đông máu Kaolin ACT Tương thích máy Abbot Model 300G của Bệnh viện.	Thẻ	400
Tổng cộng: 97 danh mục (khoản)					